

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị,

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Số. *1122* /BCKT 2011-2

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 14/07/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 16 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, Công ty tiếp tục trích trước chi phí bảo hành bằng 1% tính trên doanh số bán xe Ô tô phát sinh trong kỳ là 4.345.856.371 đồng (số lũy kế trích trước chi phí bảo hành chưa chi đến 30/6/2011 là 5.436.272.371 đồng) làm tăng chi phí trong kỳ và giảm lợi nhuận đi một khoản tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc Công ty tiếp tục trích trước chi phí bảo hành như đã nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



CHI NHÁNH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH
HONG BANG - TP. HẢI PHÒNG

Lương Thị Thuý
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH TẠI HẢI PHÒNG**
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hải Phòng, ngày 14 tháng 7 năm 2011



Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		443.918.966.904	324.694.842.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	163.952.606.332	19.829.288.638
1. Tiền	111		23.952.606.332	19.829.288.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.370.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	51.370.000.000	100.000.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		32.668.432.772	54.720.540.631
1. Phải thu khách hàng	131		13.859.976.148	14.559.737.757
2. Trả trước cho người bán	132		1.273.917.906	38.834.762.700
3. Các khoản phải thu khác	135	6	17.534.538.718	1.326.040.174
IV. Hàng tồn kho	140	7	185.329.487.155	143.587.373.130
1. Hàng tồn kho	141		185.329.487.155	143.587.373.130
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.598.440.645	6.557.639.935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		127.483.750	143.427.219
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.470.956.895	6.414.212.716
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		3.361.956.977	920.617.793
I. Tài sản cố định	220		3.155.874.995	666.014.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.146.818.997	652.430.468
- Nguyên giá	222		3.269.363.530	829.827.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.544.533)	(177.397.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227		9.055.998	13.584.000
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.112.002)	(13.584.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		206.081.982	254.603.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	206.081.982	254.603.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		447.280.923.881	325.615.460.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		189.655.051.694	141.323.941.186
I. Nợ ngắn hạn	310		189.655.051.694	141.323.941.186
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	90.964.729.100	22.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.287.058.645	5.695.081.127
3. Người mua trả tiền trước	313		32.753.645.148	14.777.745.148
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	3.062.967.146	26.865.880.296
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		5.808.190.373	1.839.273.333
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	42.805.252.000	60.627.752.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13	8.973.209.282	9.018.209.282
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		257.625.872.187	184.291.518.941
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	14	257.625.872.187	184.291.518.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.383.000.000	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		143.242.872.187	94.291.518.941
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		447.280.923.881	325.615.460.127

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	496,43	477,25



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	437.983.920.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	1.100.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		436.883.920.191
4. Giá vốn hàng bán	11	16	366.412.503.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70.471.417.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.027.214.329
7. Chi phí tài chính	22	18	5.061.025.037
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.561.790.172
8. Chi phí bán hàng	24		6.275.209.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		955.184.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		61.207.212.112
11. Thu nhập khác	31		145.454.545
12. Chi phí khác	32		401.313.411
13. Lợi nhuận khác	40	19	(255.858.866)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.951.353.246
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		60.951.353.246
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	6.356



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	60.951.353.246
2. Điều chỉnh cho các khoản		
-Khấu hao TSCĐ	2	82.898.790
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(827.649.288)
- Chi phí lãi vay	6	3.561.790.172
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	63.768.392.920
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	17.896.162.290
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(41.742.114.025)
-Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.479.609.322)
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	64.464.812
-Tiền lãi vay đã trả	13	(3.189.872.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.317.424.505
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	145.454.545
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(151.370.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.182.709.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	49.958.164.089
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	24.383.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	92.964.693.500
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.499.964.400)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	80.847.729.100
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	144.123.317.694
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.829.288.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	163.952.606.332



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010 và thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011.

Vốn Điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 20 người (tại ngày 31/12/2010 là 22 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Thời gian khấu hao các nhóm tài sản cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản được khấu hao trong thời gian 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp hàng hoá và dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật".

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	17.314.872.878	15.142.124.698
Tiền gửi ngân hàng	6.637.733.454	4.687.163.940
Các khoản tương đương tiền (*)	140.000.000.000	-
Cộng	<u>163.952.606.332</u>	<u>19.829.288.638</u>

(*) Các khoản tương đương tiền trình bày khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay theo Hợp đồng số 7/2011 ngày 21/6/2011 với thời hạn là 01 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân). Tiền lãi được trả vào cuối kỳ.

5 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay theo các Hợp đồng	51.370.000.000	100.000.000.000
Cộng	<u>51.370.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay theo các Hợp đồng với thời hạn là 06 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân). Tiền lãi được trả vào cuối kỳ.

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	15.774.810.325	875.526.285
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.408.415.894	-
Lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt	351.312.499	450.513.889
Cộng	<u>17.534.538.718</u>	<u>1.326.040.174</u>

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng (xem thuyết minh số 22 dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.414.080.470	7.780.641.632
Thành phẩm	-	2.245.043.174
Hàng hoá	119.242.482.303	66.293.575.497
Hàng gửi đi bán	34.672.924.382	67.268.112.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	185.329.487.155	143.587.373.130

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2011	592.437.143	237.390.803	829.827.946
Tăng trong năm	2.974.072.727	-	2.974.072.727
Mua trong kỳ	2.974.072.727	-	2.974.072.727
Giảm trong kỳ	534.537.143	-	534.537.143
Thanh lý, nhượng bán	534.537.143	-	534.537.143
Tại 30/06/2011	3.031.972.727	237.390.803	3.269.363.530
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2011	125.288.930	52.108.548	177.397.478
Khấu hao trong kỳ	43.266.642	35.104.146	78.370.788
Thanh lý, nhượng bán	133.223.733	-	133.223.733
Tại 30/06/2011	35.331.839	87.212.694	122.544.533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011	467.148.213	185.282.255	652.430.468
Tại 30/06/2011	2.996.640.888	150.178.109	3.146.818.997

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Tại ngày 01/01	254.603.325
Tăng trong kỳ	11.809.091
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(60.330.434)
Tại ngày 30/06	206.081.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hải Phòng	90.964.729.100	22.500.000.000
Cộng	90.964.729.100	22.500.000.000

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011. Theo đó hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 đồng; mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ, tiền lãi trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.408.415.894	16.869.746.432
Thuế xuất nhập khẩu	1.654.551.252	9.996.133.864
Cộng	3.062.967.146	26.865.880.296

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	42.805.252.000	42.805.252.000
Phải trả các cá nhân	-	17.822.500.000
Cộng	42.805.252.000	60.627.752.000

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 22 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***13 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011
VND

Số dư đầu kỳ	9.018.209.282
Trích quỹ trong kỳ	-
Chi quỹ trong kỳ	(45.000.000)
Số dư cuối kỳ	8.973.209.282

14 VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2009	90.000.000.000	-	63.241.395.217	153.241.395.217
Lãi trong năm	-	-	64.836.333.006	64.836.333.006
Chia cổ tức	-	-	(24.300.000.000)	(24.300.000.000)
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(9.486.209.282)	(9.486.209.282)
Tại ngày 31/12/2010	90.000.000.000	-	94.291.518.941	184.291.518.941
Lãi trong kỳ	-	-	60.951.353.246	60.951.353.246
Chia cổ tức (*)	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Phát hành tăng vốn (**)	10.000.000.000	14.383.000.000	-	24.383.000.000
Tại ngày 30/06/2011	100.000.000.000	14.383.000.000	143.242.872.187	257.625.872.187

(*) Theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2010, Công ty phát hành tăng vốn 10 tỷ đồng theo phương thức phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông mới. Mệnh giá phát hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu, giá bán cổ phiếu từ 22.000 đồng đến 25.000 đồng tạo ra thặng dư vốn 14.383.000.000 đồng.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 14/04/2011, Công ty trả cổ tức đợt 1 năm 2010 là 12% trên mệnh giá cổ phiếu.

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp đến	
	VND	%	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54,00%	54.000.000.000	54.000.000.000
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85%	23.850.000.000	23.850.000.000
Mai Trang	4.050.000.000	4,05%	4.050.000.000	4.050.000.000
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05%	4.050.000.000	4.050.000.000
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05%	4.050.000.000	4.050.000.000
Cổ đông khác	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	-
Cộng	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000	90.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15 DOANH THU

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011
VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	437.983.920.191
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	437.983.920.191
Các khoản giảm trừ	1.100.000.000
Hàng bán trả lại	1.100.000.000
Doanh thu thuần	436.883.920.191

16 GIÁ VỐN

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011
VND

Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	366.412.503.119
Cộng	366.412.503.119

17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011
VND

Lãi tiền gửi	544.292.878
Lãi cho vay vốn	539.215.276
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.943.706.175
Cộng	3.027.214.329

18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011
VND

Chi phí lãi vay	3.561.790.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.499.234.865
Cộng	5.061.025.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19 LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

VND

Thu từ thanh lý tài sản cố định	145.454.545
Thu nhập khác	145.454.545
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	401.313.411
Chi phí khác	401.313.411
Lỗ thuần từ hoạt động khác	(255.858.866)

20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.951.353.246
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
Thu nhập chịu thuế	60.951.353.246
Thuế suất thông thường	25%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	15.237.838.312
Miễn thuế theo ưu đãi (*)	(15.237.838.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-

(*) Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/06/2011

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế	60.951.353.246
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông	60.951.353.246
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.588.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.356

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***22 CAM KẾT GÓP VỐN LIÊN DOANH**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International dự kiến thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Prukca Việt Nam lần lượt là 10.000.000 USD và 40.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Prukca International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Công ty đang xúc tiến các thủ tục để thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam nói trên.

23 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	
Mua hàng hoá, dịch vụ	7.777.058.645
Giá trị hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	45.100.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	
Thu nhập từ lãi cho vay	539.215.276

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy		
Phải trả thương mại	2.397.058.645	-
Phải thu thương mại	206.643.898	661.543.898
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt		
Cho vay theo các hợp đồng vay ngắn hạn	191.370.000.000	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

24 SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm nên không có số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính - Chi nhánh Hải Phòng (IFC - ACA Group).

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
			31/12/2010	31/12/2010		
			đã được kiểm toán	đã phân loại lại		
			VND	VND	VND	
1.	Các khoản phải thu khác	135	450.513.889	1.326.040.174	875.526.285	(*)
2.	Hàng tồn kho	141	144.462.899.415	143.587.373.130	(875.526.285)	(*)

(*) Phân loại lại chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp từ khoản mục Hàng tồn kho sang Các khoản phải thu khác.